

KẾ HOẠCH**Tổ chức đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu
Đảng bộ thành phố Hà Nội lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2025 - 2030**

Căn cứ Chỉ thị số 45-CT/TW, ngày 14/4/2025 của Bộ Chính trị (khóa XIII) về đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng (*sau đây gọi tắt là Chỉ thị số 45-CT/TW*) và tình hình thực tiễn của Đảng bộ, Thành ủy yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng quán triệt, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các nội dung của Chỉ thị số 45-CT/TW, đồng thời lãnh đạo, chỉ đạo công tác chuẩn bị và tổ chức đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu Đảng bộ Thành phố lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2025 - 2030 tập trung vào những nội dung chủ yếu sau đây:

I. YÊU CẦU

Quán triệt, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ 7 yêu cầu quy định tại Chỉ thị số 45-CT/TW, ngày 14/4/2025 của Bộ Chính trị (khóa XIII).

II. NỘI DUNG**1. Nội dung đại hội đảng bộ các cấp**

Đại hội đảng bộ các cấp thực hiện 4 nội dung sau: (1) Tổng kết thực hiện nghị quyết đại hội đảng bộ nhiệm kỳ 2020 - 2025 và xác định phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của nhiệm kỳ 2025 - 2030. (2) Thảo luận, đóng góp ý kiến vào dự thảo các văn kiện Đại hội XIV của Đảng và văn kiện đại hội đảng bộ cấp trên trực tiếp. (3) Bầu ban chấp hành đảng bộ nhiệm kỳ 2025 - 2030. (4) Bầu đoàn đại biểu dự đại hội đảng bộ cấp trên.

- Những nơi thực sự có khó khăn về công tác chuẩn bị nhân sự, được cấp ủy có thẩm quyền đồng ý, thì đại hội với 3 nội dung, chưa tiến hành bầu cấp ủy khóa mới.

- Các đảng bộ xã, phường trực thuộc Đảng bộ Thành phố (*gồm cả các xã, phường không hợp nhất, sáp nhập mà chưa đại hội*); đảng bộ (*chỉ bộ*) hợp nhất, sáp nhập, thành lập mới theo chủ trương, nghị quyết, kết luận của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư khóa XIII về sắp xếp, tinh gọn bộ máy các cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị, thì đại hội với 2 nội dung (*tổng kết việc thực hiện nghị quyết đại hội nhiệm kỳ 2020 - 2025 trên cơ sở nội dung nghị quyết đại hội của các đảng bộ, chỉ bộ trước khi hợp nhất, sáp nhập; xác định phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp nhiệm kỳ 2025 - 2030 và thảo luận, đóng góp ý kiến vào dự thảo các văn kiện Đại hội XIV của Đảng, dự thảo văn kiện đại hội đảng bộ cấp trên trực tiếp*), không bầu cấp ủy khóa mới và đoàn

đại biểu dự đại hội đảng bộ cấp trên. Ban thường vụ cấp ủy cấp trên trực tiếp chỉ định ban chấp hành, ban thường vụ, bí thư, phó bí thư, ủy ban kiểm tra, chủ nhiệm, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra cấp ủy nhiệm kỳ khóa mới và phân bổ số lượng và chỉ định đại biểu dự đại hội đảng bộ cấp trên.

- Đối với các đảng bộ cấp xã không hợp nhất, sáp nhập nếu đã tổ chức đại hội nhiệm kỳ 2025-2030, thì: (1) Tổ chức hội nghị ban chấp hành để thảo luận các dự thảo văn kiện đại hội đảng bộ cấp trên trực tiếp theo quy định; (2) Căn cứ tiêu chuẩn, điều kiện, cơ cấu, số lượng theo Chỉ thị của Bộ Chính trị và Kế hoạch này, Ban Thường vụ Thành ủy tiếp tục chỉ đạo rà soát, kiện toàn nhân sự cấp ủy nhiệm kỳ 2025-2030 và nhân sự đại biểu dự đại hội đảng bộ cấp trên, bảo đảm theo đúng quy định.

- Đối với các tổ chức cơ sở đảng trong các cơ quan, đơn vị không thuộc diện hợp nhất, sáp nhập mà chưa tổ chức đại hội nhiệm kỳ 2025-2030 (*gồm tổ chức cơ sở đảng trong bệnh viện, trường học... trực thuộc đảng bộ quận, huyện, thị xã hiện nay; các tổ chức cơ sở đảng trong cơ quan, đơn vị, tổ chức quản lý theo ngành dọc (nếu có); các tổ chức cơ sở đảng trong các đơn vị thành viên của doanh nghiệp Nhà nước (tập đoàn kinh tế, tổng công ty...) trực thuộc cấp ủy địa phương nơi đặt trụ sở*), thì đại hội thực hiện các nội dung: (1) Tổng kết thực hiện nghị quyết đại hội đảng bộ nhiệm kỳ 2020 - 2025 và xác định phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của nhiệm kỳ 2025 - 2030; (2) Thảo luận, đóng góp ý kiến vào dự thảo các văn kiện Đại hội XIV của Đảng; (3) Bầu cấp ủy nhiệm kỳ 2025 - 2030; không thảo luận, đóng góp ý kiến vào dự thảo các văn kiện đại hội đảng bộ cấp trên trực tiếp, không bầu đoàn đại biểu dự đại hội đảng bộ cấp trên. Sau sắp xếp đơn vị hành chính, tổ chức đảng của cơ quan, đơn vị trực thuộc xã, phường nào, thì ban thường vụ cấp ủy xã, phường đó phân bổ số lượng, chỉ định đại biểu dự đại hội đảng bộ cấp trên và chỉ đạo tổ chức thảo luận, đóng góp ý kiến vào dự thảo các văn kiện đại hội đảng bộ cấp trên.

2. Chuẩn bị văn kiện đại hội và tổ chức thảo luận

2.1. Chuẩn bị văn kiện đại hội

Dự thảo văn kiện của cấp ủy trình đại hội gồm 2 báo cáo chủ yếu:

- Báo cáo chính trị của đảng bộ là báo cáo trung tâm, có vai trò định hướng cho các văn kiện khác; phải đánh giá toàn diện, khách quan, trung thực tình hình, kết quả đạt được, ưu điểm, hạn chế, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm cho phù hợp với tình hình, yêu cầu nhiệm vụ mới; đồng thời, tiếp thu những quan điểm chỉ đạo, chủ trương, định hướng lớn trong các dự thảo văn kiện Đại hội XIV của Đảng, Đại hội đại biểu Đảng bộ Thành phố lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2025 - 2030 và của cấp trên, dự báo được tình hình để đề ra phương hướng, mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp có tính khả thi cao cho nhiệm kỳ 2025 - 2030, chú ý các nhiệm vụ, giải pháp đột phá với tầm nhìn dài hạn.

- Báo cáo kiểm điểm của cấp ủy phải có tính chiến đấu, nêu cao tinh thần tự phê bình và phê bình; đánh giá đúng, khách quan, toàn diện, trung thực về kết

quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện trong nhiệm kỳ 2020 - 2025; kết quả thực hiện các nghị quyết, kết luận Hội nghị Trung ương 4 khóa XI, XII, XIII gắn với việc học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; Quy định những điều đảng viên không được làm và các quy định nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu; chỉ rõ nguyên nhân, nhất là nguyên nhân chủ quan của những hạn chế, khuyết điểm, yếu kém và xác định rõ trách nhiệm của tập thể, cá nhân; đồng thời, phải đề ra kế hoạch, lộ trình, biện pháp hiệu quả nhằm sửa chữa, khắc phục trong nhiệm kỳ 2025 - 2030.

2.2. Xây dựng, đóng góp ý kiến vào văn kiện đại hội

- Quá trình xây dựng dự thảo văn kiện đại hội phải phát huy dân chủ, trí tuệ tập thể, dành thời gian hợp lý để tổ chức lấy ý kiến đóng góp của các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc; có hình thức phù hợp, thiết thực để lấy ý kiến các đồng chí cán bộ lão thành, cán bộ nguyên lãnh đạo, giới trí thức, nhà khoa học, chuyên gia và ý kiến tham gia, góp ý, hiến kế của cán bộ, đảng viên, Nhân dân. Có kế hoạch tuyên truyền về dự thảo báo cáo chính trị trên các phương tiện thông tin đại chúng để Nhân dân tham gia đóng góp ý kiến. Các cấp ủy chuẩn bị dự thảo nghị quyết đại hội để đại hội thảo luận, quyết định.

- Đại hội các cấp phải dành thời gian thỏa đáng, phát huy dân chủ, trí tuệ, đề cao trách nhiệm của đại biểu; trong thảo luận cần hết sức cầu thị, lắng nghe, tôn trọng ý kiến lẫn nhau, tạo sự đoàn kết, thống nhất cao, nhất là đối với những vấn đề mới, vấn đề khó.

3. Công tác chuẩn bị nhân sự và bầu cử cấp ủy

3.1. Tiêu chuẩn, điều kiện cấp ủy viên

(1) Việc lựa chọn, giới thiệu nhân sự cấp ủy khóa mới phải quán triệt sâu sắc Nghị quyết số 26-NQ/TW, ngày 19/5/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII; tiêu chuẩn cán bộ nêu tại Quy định số 89-QĐ/TW, ngày 04/8/2017 và Quy định số 214-QĐ/TW, ngày 02/01/2020 của Bộ Chính trị; tiêu chí đánh giá cán bộ được nêu trong Quy định số 14-QĐ/TU, ngày 06/11/2023 của Ban Thường vụ Thành ủy và các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Cấp ủy các cấp căn cứ vào yêu cầu, tiêu chuẩn chung nêu tại Kế hoạch này để cụ thể hóa cho phù hợp với tình hình, đặc điểm ở cấp mình theo quy định (*Phụ lục 1*).

(2) Về trình độ lý luận chính trị: Nhân sự được giới thiệu tham gia cấp ủy các cấp phải có bằng hoặc giấy xác nhận trình độ lý luận chính trị của cơ quan có thẩm quyền¹.

- Nhân sự các chức danh bí thư, phó bí thư, chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã, phường; nhân sự các chức danh bí thư, phó bí thư cấp ủy các đảng bộ cấp trên cơ sở trực thuộc Thành ủy phải có bằng tốt nghiệp hoặc giấy xác nhận trình độ cao cấp hoặc cử nhân lý luận chính trị.

¹ Theo Công văn số 1474-CV/BTCTW, ngày 13/8/2021 của Ban Tổ chức Trung ương.

- Cán bộ, công chức tham gia ban chấp hành, ban thường vụ cấp ủy đảng bộ xã, phường, đảng bộ cấp trên cơ sở trực thuộc Thành ủy phải có bằng tốt nghiệp trung cấp lý luận chính trị hoặc tương đương trở lên.

(3) Nhân sự trong thời gian thi hành kỷ luật bằng hình thức Khiển trách mà không thuộc diện phải xem xét miễn nhiệm, cho từ chức theo Quy định số 41-QĐ/TW, ngày 03/11/2021; Thông báo Kết luận số 20-TB/TW, ngày 08/9/2022 của Bộ Chính trị và Quy định về quản lý cán bộ, phân cấp quản lý cán bộ và bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử, thì cấp ủy có thẩm quyền, người đứng đầu căn cứ tình hình đội ngũ cán bộ, yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị, thảo luận dân chủ, phân tích, đánh giá khách quan, thận trọng, kỹ lưỡng, cân nhắc nhiều mặt đối với từng trường hợp cụ thể về phẩm chất, năng lực, uy tín, kết quả công tác của nhân sự; nguyên nhân, động cơ vi phạm, khuyết điểm (*khách quan và chủ quan*) và tính chất, mức độ, tác động ảnh hưởng, kết quả khắc phục hậu quả (*nếu có*),... để xem xét, quyết định theo thẩm quyền và chịu trách nhiệm về quyết định của mình hoặc đề xuất, báo cáo cấp có thẩm quyền quản lý cán bộ xem xét, quyết định việc giới thiệu tái cử cấp ủy, các chức danh lãnh đạo, quản lý.

3.2. Thời điểm tính độ tuổi tham gia cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc (gồm các tổ chức chính trị - xã hội)

- Thời điểm tính độ tuổi tham gia cấp ủy (*là thời điểm bắt đầu tổ chức đại hội đảng bộ ở mỗi cấp*): Cấp cơ sở là tháng 4/2025; cấp trên trực tiếp cơ sở là tháng 6/2025; đảng bộ các xã, phường trực thuộc Đảng bộ Thành phố là tháng 7/2025; cấp Thành phố là tháng 9/2025.

- Thời điểm tính tuổi tham gia chức danh lãnh đạo hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân, đoàn đại biểu Quốc hội là tháng 3/2026.

- Thời điểm tính tuổi tham gia chức danh lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc (*gồm các tổ chức chính trị - xã hội*) là thời điểm đại hội ở các cấp của mỗi tổ chức.

3.3. Độ tuổi tham gia cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc (gồm các tổ chức chính trị - xã hội)

- Những đồng chí lần đầu tham gia cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc (*gồm các tổ chức chính trị - xã hội*) phải còn thời gian công tác ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ trở lên tại thời điểm bắt đầu tổ chức đại hội đảng bộ ở mỗi cấp, thời điểm bầu cử hoặc đại hội của mỗi tổ chức theo quy định tại Điểm 3.2 nêu trên. Những đồng chí được giới thiệu tái cử cấp ủy phải còn thời gian công tác ít nhất từ 48 tháng trở lên tại thời điểm bắt đầu tổ chức đại hội đảng bộ ở mỗi cấp. Trường hợp đặc biệt đối với nhân sự là Phó Bí thư Thành ủy phải còn thời gian công tác ít nhất từ 42 tháng trở lên (*Phụ lục 2*).

- Cán bộ tái cử cấp ủy thì được tái cử các chức danh lãnh đạo chính quyền, Mặt trận Tổ quốc (*gồm các tổ chức chính trị - xã hội*) nhưng phải còn thời gian công tác ít nhất 36 tháng trở lên tại thời điểm bầu cử hoặc đại hội của mỗi tổ chức. Thời điểm bầu cử hoặc đại hội của mỗi tổ chức theo quy định tại Điểm 3.2 nêu trên.

3.4. Độ tuổi tái cử ủy ban kiểm tra cấp ủy các cấp: Thực hiện theo hướng dẫn của Ủy ban Kiểm tra Trung ương và Ủy ban Kiểm tra Thành ủy, định hướng tăng thời gian tối thiểu tái cử ủy ban kiểm tra từ 24 tháng thành 42 tháng (*tăng 18 tháng so với quy định hiện nay*).

3.5. Cơ cấu, số lượng cấp ủy viên, ủy viên thường vụ và phó bí thư cấp ủy

(1) Cơ cấu cấp ủy

- Phải bảo đảm sự lãnh đạo trực tiếp, toàn diện của cấp ủy đối với những địa bàn, lĩnh vực quan trọng; coi trọng chất lượng, không vì cơ cấu mà hạ thấp tiêu chuẩn; thực hiện chủ trương không nhất thiết địa phương, sở, ban, ngành nào cũng phải có người tham gia cấp ủy; quy định thống nhất những chức danh có cơ cấu "cứng" tham gia ban thường vụ, số chức danh còn lại do cấp ủy quyết định theo yêu cầu nhiệm vụ chính trị và tình hình đội ngũ cán bộ của địa phương, đơn vị.

- Việc chuẩn bị nhân sự cần kết hợp hài hòa giữa nguồn nhân sự tại chỗ với việc điều động, luân chuyển cán bộ từ nơi khác đến. Các địa phương, đơn vị có cơ cấu cấp ủy nhưng chưa chuẩn bị được nhân sự tại chỗ, thì cấp ủy cấp trên trực tiếp xem xét, điều động nhân sự từ nơi khác có đủ tiêu chuẩn, điều kiện, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương, đơn vị để giới thiệu, chỉ định tham gia cấp ủy hoặc bổ sung sau đại hội.

- Cơ bản thực hiện bố trí bí thư (*phó bí thư*) cấp ủy đồng thời là chủ tịch hội đồng nhân dân ở cấp xã.

- Mỗi đồng chí trong Thường trực Thành ủy cơ bản không giữ quá 2 chức danh trong các chức danh lãnh đạo Thành phố: Bí thư, Phó Bí thư Thành ủy; Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Trưởng đoàn đại biểu Quốc hội, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Thành phố; trường hợp đặc biệt do Trung ương xem xét, quyết định.

- Phân đấu cơ bản hoàn thành việc bố trí bí thư cấp ủy xã, phường không là người địa phương; đẩy mạnh thực hiện đối với các chức danh khác.

- Phân công, bố trí công tác mới hoặc giới thiệu ứng cử (*bổ nhiệm*) ở địa phương, cơ quan, đơn vị khác đối với các đồng chí bí thư cấp ủy cấp trên trực tiếp cơ sở và tương đương đã giữ chức vụ quá 2 nhiệm kỳ liên tiếp (*từ 8 năm trở lên*) tại một địa phương, cơ quan, đơn vị.

- Phân đấu đạt tỉ lệ cấp ủy viên nữ từ 15% trở lên và có cán bộ nữ trong ban thường vụ cấp ủy; phân đấu tỉ lệ cán bộ trẻ (*dưới 42 tuổi đối với cấp Thành phố và cấp xã*) từ 10% trở lên (*tính cho cả nhiệm kỳ*); phân đấu tỉ lệ cán bộ có trình độ khoa học, công nghệ khoảng 5%; tỉ lệ cấp ủy viên là người dân tộc thiểu số bảo đảm phù hợp với đặc điểm, cơ cấu dân tộc và điều kiện cụ thể của từng địa phương. Cấp ủy và người đứng đầu các cấp có thẩm quyền phải có trách nhiệm, chủ động xây dựng kế hoạch cụ thể để đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, điều động, đề bạt, bố trí cán bộ nữ, cán bộ trẻ, cán bộ người dân tộc thiểu số, cán bộ có trình độ khoa học, công nghệ vào các chức danh có cơ cấu tham gia cấp ủy khóa mới theo quy định.

- Phân đầu đổi mới không dưới 1/3 tổng số cấp ủy viên trong nhiệm kỳ (*không thực hiện đối với đảng bộ hợp nhất, sáp nhập*). Thực hiện cơ cấu ba độ tuổi trong cấp ủy các cấp và phân đầu thực hiện trong ban thường vụ, thường trực cấp ủy; đối với cấp Thành phố và xã, phường theo định hướng: cán bộ trẻ (*dưới 42 tuổi*) từ 10% trở lên, từ 42 đến 52 tuổi khoảng 40% - 50%, còn lại trên 52 tuổi.

- Vào đầu nhiệm kỳ, những nơi nào chưa bầu (*chỉ định*) đủ số lượng, tỉ lệ, cơ cấu cấp ủy theo Kế hoạch này, thì trong nhiệm kỳ phải chủ động chuẩn bị nhân sự để kiện toàn, bổ sung theo quy định.

(2) Số lượng cấp ủy viên, ủy viên thường vụ và phó bí thư cấp ủy

- Số lượng cấp ủy viên, ủy viên thường vụ và phó bí thư cấp ủy các cấp quy định tại Phụ lục 3.

- Căn cứ tiêu chuẩn, điều kiện và tình hình đội ngũ cán bộ, đại hội quyết định số lượng cấp ủy viên; cấp ủy khóa mới quyết định số lượng ủy viên ban thường vụ, phó bí thư cấp ủy trên cơ sở quy định của cấp có thẩm quyền.

3.6. Quy trình nhân sự cấp ủy

Quy trình nhân sự, gồm: (1) Quy trình giới thiệu nhân sự tái cử cấp ủy, ban thường vụ, phó bí thư, bí thư cấp ủy. (2) Quy trình giới thiệu nhân sự lần đầu tham gia cấp ủy, ban thường vụ, phó bí thư, bí thư cấp ủy. (3) Quy trình chỉ định nhân sự từ nguồn tại chỗ đối với các tổ chức đảng sau hợp nhất, sáp nhập (*Phụ lục 4*).

3.7. Thực hiện bầu cử trong đại hội

- Việc bầu cử ban chấp hành, ban thường vụ, bí thư, phó bí thư, ủy ban kiểm tra và chủ nhiệm ủy ban kiểm tra cấp ủy các cấp thực hiện theo Quy chế bầu cử trong Đảng.

- Thực hiện thí điểm bầu bí thư cấp ủy tại đại hội đối với cấp cơ sở và cấp trên trực tiếp cơ sở (*không thực hiện đối với các đảng bộ trong Quân đội, Công an*) ở những nơi có đủ điều kiện (*nội bộ đoàn kết, thống nhất; nhân sự có phẩm chất, năng lực, uy tín, có khả năng đáp ứng tốt yêu cầu, nhiệm vụ được giao; được Ban Thường vụ Thành ủy đồng ý*).

- Đối với những nơi đại hội trực tiếp bầu bí thư cấp ủy, thì đại hội phải thực hiện việc lấy phiếu giới thiệu nhân sự bí thư cấp ủy trong số các đồng chí vừa trúng cử vào cấp ủy khóa mới. Trường hợp đại hội giới thiệu nhân sự khác với phương án nhân sự đã được cấp ủy có thẩm quyền phê duyệt, thì không tiến hành bầu cử và phải báo cáo ban thường vụ cấp ủy cấp trên cho ý kiến chỉ đạo.

4. Số lượng, cơ cấu đại biểu và việc bầu đại biểu dự đại hội cấp trên

(1) Số lượng đại biểu đại hội đảng bộ các cấp như sau:

- Đại hội Đảng bộ Thành phố không quá 550 đại biểu.

- Đại hội đảng bộ cấp trên trực tiếp cơ sở và tương đương không quá 300 đại biểu.

- Đại hội đảng bộ các xã, phường trực thuộc Đảng bộ Thành phố sau khi họp nhất, sáp nhập, thì số lượng đại biểu đại hội không quá 250 đại biểu.

- Đại hội đảng bộ cơ sở: (1) Được giao quyền hoặc thí điểm giao quyền cấp trên cơ sở, không quá 250 đại biểu. (2) Các đảng bộ có từ 200 đảng viên trở lên thì tiến hành đại hội đại biểu, số lượng đại biểu do cấp ủy cấp trên trực tiếp quyết định. (3) Các đảng bộ có dưới 200 đảng viên thì tiến hành đại hội đảng viên. Trường hợp đảng bộ cơ sở có dưới 200 đảng viên nếu có khó khăn về điều kiện tổ chức đại hội đảng viên và được cấp ủy cấp trên trực tiếp đồng ý, thì tổ chức đại hội đại biểu; số lượng đại biểu do cấp ủy cấp trên trực tiếp quyết định.

(2) Cơ bản giữ ổn định số lượng, cơ cấu đại biểu cần hợp lý về thành phần, giới tính, dân tộc và bảo đảm có từ 1 đến 2 đại biểu ở mỗi ngành, lĩnh vực quan trọng (*ngoài số đại biểu đương nhiên*) để nâng cao chất lượng thảo luận tại đại hội.

(3) Việc bầu (*chỉ định*) đoàn đại biểu dự đại hội đảng bộ cấp trên phải căn cứ vào Điều lệ Đảng, Quy chế bầu cử trong Đảng và hướng dẫn của cấp ủy cấp trên trực tiếp về số lượng, cơ cấu đại biểu đại hội đảng bộ các cấp.

Đại hội đảng bộ các cấp, ban thường vụ cấp ủy cấp trên trực tiếp được bầu, chỉ định một số đại biểu dự khuyết để thay thế đại biểu chính thức vắng mặt; số lượng đại biểu dự khuyết do đại hội hoặc ban thường vụ cấp ủy cấp trên trực tiếp quyết định.

5. Thời gian tiến hành đại hội đảng bộ các cấp

- Đại hội đảng viên hoặc đại hội đại biểu cấp cơ sở không quá 2 ngày, hoàn thành trước ngày 30/6/2025. Đại hội đại biểu đảng bộ cấp trên trực tiếp cơ sở và đảng bộ xã, phường không quá 2 ngày; hoàn thành trước ngày 31/8/2025. Đại hội Đảng bộ Thành phố không quá 4 ngày, hoàn thành trước ngày 31/10/2025.

- Thời gian họp trừ bị được tính vào thời gian tiến hành đại hội, đối với Đại hội Đảng bộ Thành phố, đại hội đảng bộ cấp trên trực tiếp cơ sở và đại hội đảng bộ xã, phường không quá 1/2 ngày.

- Thời gian tổ chức đại hội điểm: Cấp trên trực tiếp cơ sở và xã, phường vào đầu quý III/2025.

- Việc kiện toàn, bổ sung cấp ủy viên và ủy viên ban thường vụ cấp ủy nhiệm kỳ 2020 - 2025 thực hiện theo Kết luận số 128-KL/TW, ngày 07/3/2025 của Bộ Chính trị về chủ trương công tác cán bộ.

6. Việc phân công, bố trí và thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ sau đại hội

- Thực hiện việc phân công cấp ủy viên khóa mới ngay sau đại hội hoặc sau khi được chỉ định theo phương án nhân sự đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và phù hợp với yêu cầu tình hình thực tiễn.

- Quan tâm, điều động, phân công, bố trí công tác đối với các đồng chí cấp ủy viên quận, huyện, thị xã đảm nhận các chức danh lãnh đạo ở xã, phường sau khi thực hiện việc kết thúc hoạt động đơn vị hành chính cấp huyện.

- Chủ động làm tốt công tác tư tưởng, động viên nghỉ công tác, nghỉ hưu trước tuổi, hưởng chế độ, chính sách theo quy định đối với cán bộ không đủ tuổi tái cử. Đối với cán bộ đủ tuổi tái cử mà có nguyện vọng nghỉ hưu trước tuổi, thì cho nghỉ hưu và giải quyết chế độ, chính sách theo Kết luận số 75-KL/TW, ngày 07/3/2025 của Bộ Chính trị và các quy định liên quan.

- Cán bộ ở cấp xã sau khi tổ chức lại đơn vị hành chính cấp xã không tái cử do không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện hoặc không thể phân công, bố trí công tác khác, thì thực hiện theo Kết luận số 64-KL/TW, ngày 28/5/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI và giải quyết chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật.

- Về thời điểm thôi giữ chức vụ lãnh đạo hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân và các chức danh lãnh đạo có cơ cấu cấp ủy nhưng không tham gia Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố nhiệm kỳ 2025 - 2030: Các đồng chí đến tuổi nghỉ hưu sau đại hội hoặc còn tuổi công tác nhưng không tham gia cấp ủy thì cho thôi giữ các chức vụ lãnh đạo, quản lý ngay sau đại hội hoặc vào phiên họp thường kỳ gần nhất của hội đồng nhân dân Thành phố sau đại hội. Riêng đối với các chức danh lãnh đạo hội đồng nhân dân Thành phố, nếu nhân sự được chuẩn bị thay thế chưa là đại biểu hội đồng nhân dân, thì để cán bộ đương nhiệm tiếp tục giữ chức vụ đến hết nhiệm kỳ 2021-2026 (nếu còn đủ tuổi công tác đến hết nhiệm kỳ).

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Thường vụ Thành ủy chỉ đạo 01 đảng bộ cấp trên trực tiếp cơ sở và 01-02 đảng bộ xã, phường tiến hành đại hội điểm vào đầu quý III/2025 để rút kinh nghiệm chỉ đạo chung.

2. Ban Tổ chức Thành ủy có trách nhiệm giúp Ban Thường vụ Thành ủy hướng dẫn nguyên tắc và cách thức phân bổ, chỉ định đại biểu dự đại hội cấp trên; nguyên tắc và phương pháp bầu cử; quy chế làm việc của đại hội và các văn bản khác có liên quan để tổ chức đại hội. Xây dựng và triển khai phần mềm kiểm phiếu bằng máy. Theo dõi, hướng dẫn, tổng hợp và báo cáo kết quả đại hội các cấp.

3. Ủy ban Kiểm tra Thành ủy có trách nhiệm giúp Ban Thường vụ Thành ủy hướng dẫn, kiểm tra việc chấp hành nguyên tắc, thủ tục tổ chức đại hội các cấp. Hướng dẫn Đề cương báo cáo thẩm tra tư cách đại biểu, phối hợp với Ban Tổ chức Thành ủy hướng dẫn công tác nhân sự ủy ban kiểm tra các cấp. Kịp thời xem xét, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo liên quan đến đại biểu dự đại hội và người được giới thiệu bầu vào cấp ủy khóa mới theo đúng quy định của Điều lệ Đảng.

4. Ban Tuyên giáo và Dân vận Thành ủy triển khai thực hiện các nhiệm vụ theo kế hoạch của các Tiểu ban Đại hội đại biểu Đảng bộ Thành phố lần thứ XVIII,

nhiệm kỳ 2025 - 2030; chủ trì tham mưu Ban Thường vụ Thành ủy chỉ đạo tổ chức các hoạt động thi đua sôi nổi, sâu rộng ở các cấp, các ngành và trong các tầng lớp Nhân dân Thủ đô, phấn đấu hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, lập thành tích thiết thực chào mừng Đại hội XIV của Đảng, Đại hội đại biểu Đảng bộ Thành phố lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2025 - 2030 gắn với kỷ niệm các ngày lễ lớn trong năm 2025.

Giúp Ban Thường vụ Thành ủy chỉ đạo chặt chẽ công tác thông tin, báo chí; công tác tuyên truyền trước, trong và sau đại hội. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan nắm chắc tình hình, tư tưởng của cán bộ, đảng viên và Nhân dân trước, trong và sau Đại hội đảng bộ các cấp. Tổng hợp các ý kiến thảo luận, góp ý vào các dự thảo văn kiện Đại hội XIV của Đảng và Đại hội đại biểu Đảng bộ Thành phố lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2025 - 2030.

5. Ban Nội chính Thành ủy có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan nội chính giúp Ban Thường vụ Thành ủy chỉ đạo thực hiện các biện pháp bảo đảm an ninh, an toàn cho Đại hội đảng bộ các cấp và Đại hội đại biểu Đảng bộ Thành phố lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2025 - 2030; phối hợp với Ban Tổ chức Thành ủy để tham gia ý kiến về nhân sự trong các cơ quan nội chính tham gia cấp ủy các cấp.

6. Văn phòng Thành ủy thực hiện sự chỉ đạo của Tiểu ban Văn kiện và Tổ Biên tập văn kiện của Thành ủy, tham mưu xây dựng đề cương, chủ trì biên tập, tiếp thu ý kiến góp ý, bổ sung hoàn chỉnh các văn kiện trình đại hội; chuẩn bị báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố khóa XVII; đôn đốc các cơ quan chức năng, các đảng bộ trực thuộc Đảng bộ Thành phố triển khai công tác chuẩn bị, tổ chức đại hội; hướng dẫn các đảng bộ xã, phường mới xây dựng văn kiện đại hội; chuẩn bị kinh phí, các điều kiện cần thiết phục vụ Đại hội đại biểu Đảng bộ Thành phố lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2025 - 2030 và các đảng bộ trực thuộc.

7. Đảng ủy Hội đồng nhân dân Thành phố phối hợp chặt chẽ với Đảng ủy UBND Thành phố, Ban Tổ chức Thành ủy trong việc tham mưu công tác cán bộ theo thẩm quyền, chỉ đạo Thường trực HĐND Thành phố kịp thời ban hành các nghị quyết về công tác cán bộ và đại biểu HĐND cấp xã mới theo quy định và chỉ đạo của cấp có thẩm quyền. Phối hợp với Đảng ủy UBND Thành phố chỉ đạo nghiên cứu các cơ chế, chính sách nhất là các nội dung về phân cấp ủy quyền cho chính quyền cấp xã để trình HĐND Thành phố kịp thời ban hành, bảo đảm việc vận hành của chính quyền các cấp được thường xuyên, liên tục, không có khoảng trống.

8. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc (gồm các tổ chức chính trị - xã hội) Thành phố có trách nhiệm nắm tình hình tư tưởng, tâm trạng của nhân dân; tổ chức các phong trào thi đua yêu nước thiết thực chào mừng đại hội Đảng các cấp; tham gia đóng góp ý kiến vào các văn kiện Đại hội XIV của Đảng và Đại hội đại biểu Đảng bộ Thành phố lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2025 - 2030.

9. Các cấp ủy trực thuộc Thành ủy có trách nhiệm quán triệt Chỉ thị của Bộ Chính trị; căn cứ Kế hoạch của Thành ủy để xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch tổ chức đại hội cấp mình; thành lập các tiểu ban giúp việc chuẩn bị và tổ chức đại hội; phân công ủy viên thường vụ, cấp ủy viên chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra công tác chuẩn bị và đại hội các đảng bộ, chi bộ cấp dưới; tổ chức đại hội điểm để rút kinh nghiệm; chủ động nắm tình hình, kịp thời có biện pháp xử lý, tháo gỡ đối với các đảng bộ có khó khăn hoặc có vấn đề phức tạp nảy sinh.

Ban thường vụ cấp ủy cấp dưới báo cáo ban thường vụ cấp ủy cấp trên trực tiếp việc chuẩn bị văn kiện và đề án nhân sự cấp ủy khóa mới, khi được ban thường vụ cấp ủy cấp trên trực tiếp trên đồng ý mới tiến hành đại hội.

10. Sau đại hội, cấp ủy khóa mới tổ chức tổng kết, rút kinh nghiệm công tác chuẩn bị và tổ chức đại hội; đồng thời chuẩn bị nhân sự lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc (gồm các tổ chức chính trị - xã hội) theo quy định. Xây dựng quy chế làm việc, chương trình hành động, kế hoạch triển khai thực hiện nghị quyết đại hội.

Đại hội đại biểu Đảng bộ Thành phố lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2025 - 2030 và đại hội đảng bộ các cấp phải được chuẩn bị chu đáo, có kế hoạch và lộ trình cụ thể, tiến hành có chất lượng, trang trọng, an toàn, tiết kiệm, đúng quy định. Trong quá trình thực hiện, các cấp ủy trực thuộc Thành ủy thường xuyên báo cáo Ban Thường vụ Thành ủy về kết quả và những vấn đề phát sinh để kịp thời chỉ đạo, hướng dẫn giải quyết.

Kế hoạch này thay thế Kế hoạch số 258-KH/TU, ngày 15/7/2024 của Thành ủy về tổ chức đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu Đảng bộ Thành phố lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2025 - 2030./.

Nơi nhận: 

- Bộ Chính trị,
- Văn phòng và các Ban Đảng TW, } Để báo cáo
- Các đồng chí Thành ủy viên,
- Văn phòng và các Ban Đảng Thành ủy,
- Các cấp ủy trực thuộc Thành ủy,
- Lưu: Ban TCTU, VPTU.

T/M THÀNH ỦY
BÍ THƯ



Bùi Thị Minh Hoài

PHỤ LỤC 1

TIÊU CHUẨN CẤP ỦY VIÊN CÁC CẤP NHIỆM KỲ 2025 - 2030

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 329 - KH/TU, ngày 15/5/2025

của Thành ủy Hà Nội)

I. TIÊU CHUẨN CHUNG

Tiêu chuẩn cấp ủy viên các cấp cơ bản thực hiện theo Quy định số 89-QĐ/TW, ngày 04/8/2017 của Bộ Chính trị khóa XII; trong đó, nhấn mạnh một số tiêu chuẩn sau:

1. Có bản lĩnh chính trị vững vàng, tuyệt đối trung thành với lợi ích của Đảng, Nhà nước và của Nhân dân; kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối đổi mới của Đảng, mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Kiên quyết đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, Hiến pháp và pháp luật của Nhà nước.

2. Có phẩm chất đạo đức, lối sống gương mẫu, trong sáng; thực hiện nghiêm quy định của Đảng, nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình; có ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần trách nhiệm cao trong công việc, giữ gìn sự đoàn kết nội bộ; cần, kiệm, liêm chính, chí công vô tư; kê khai tài sản, thu nhập trung thực, minh bạch; không cơ hội, tham vọng quyền lực, cục bộ, bè phái, tham nhũng, tiêu cực, "lợi ích nhóm",.... Không để vợ hoặc chồng, con, người thân lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi.

3. Có năng lực cụ thể hóa và tổ chức thực hiện có hiệu quả đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; có tư duy đổi mới, tầm nhìn, phương pháp làm việc khoa học, hiệu quả; nói đi đôi với làm, năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám nói, dám làm, dám chịu trách nhiệm; có thành tích, kết quả công tác, "sản phẩm" cụ thể trong địa bản, lĩnh vực công tác được giao.

4. Có trình độ chuyên môn, lý luận chính trị, quản lý nhà nước đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ được giao và theo quy định của Đảng, Nhà nước; trình độ tin học, ngoại ngữ cần thiết và phù hợp.

5. Cán bộ được giới thiệu để bầu tham gia cấp ủy, các chức vụ (cao hơn) lãnh đạo cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc (gồm các tổ chức chính trị - xã hội) phải có thời gian giữ chức vụ đang đảm nhiệm hoặc chức vụ tương đương ít nhất là 01 năm (12 tháng); trường hợp đặc biệt, chưa bảo đảm thời gian giữ chức vụ, thì giao cấp ủy có thẩm quyền bổ nhiệm cán bộ xem xét, quyết định và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

6. Đủ sức khỏe để thực hiện nhiệm vụ; bảo đảm tuổi bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử theo quy định của Đảng.

II. TIÊU CHUẨN CỤ THỂ

1. Tiêu chuẩn Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố

Bảo đảm đầy đủ các tiêu chuẩn chung (*nêu tại mục I*), đồng thời cần có thêm các tiêu chuẩn: Là các đồng chí tiêu biểu của Đảng bộ Thành phố về bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức và năng lực công tác. Có ý thức, trách nhiệm, kiên thức, để tham gia xây dựng các chủ trương, định hướng công tác lớn của Thành phố và sự lãnh đạo, chỉ đạo tập thể của Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố; có năng lực cụ thể hóa và chỉ đạo, tổ chức thực hiện thắng lợi đường lối của Trung ương và các chủ trương, nghị quyết của Thành phố trong lĩnh vực công tác được phân công phụ trách; đoàn kết, phát huy được sức mạnh tổng hợp của đội ngũ cán bộ, đảng viên và Nhân dân.

2. Tiêu chuẩn Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy

Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy khóa XVIII phải là các đồng chí tiêu biểu về trí tuệ, bản lĩnh chính trị, tư duy đổi mới, ý chí chiến đấu, năng lực lãnh đạo quản lý và đạo đức của Ban Chấp hành; nói chung đã tham gia Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố khóa XVII, hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao, có đủ khả năng để đảm đương nhiệm vụ của Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy, đóng góp trí tuệ vào sự lãnh đạo tập thể của Ban Thường vụ Thành ủy.

3. Tiêu chuẩn các chức danh lãnh đạo Thành phố diện Trung ương quản lý

Tiêu chuẩn các chức danh lãnh đạo Thành phố diện Trung ương quản lý (*Bí thư, Phó Bí thư Thành ủy; Chủ tịch Hội đồng nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố*), thực hiện theo Quy định số 214-QĐ/TW, ngày 02/01/2020 của Bộ Chính trị về khung tiêu chuẩn chức danh, tiêu chí đánh giá cán bộ thuộc diện Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý. Cụ thể như sau:

(1) Tiêu chuẩn Bí thư Thành ủy: Bảo đảm đầy đủ các tiêu chuẩn chung của Ủy viên Bộ Chính trị, Ban Bí thư hoặc Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương, đồng thời, cần có những phẩm chất, năng lực: Tiêu biểu nhất về đạo đức, trí tuệ, có uy tín cao, là hạt nhân đoàn kết trong ban chấp hành, ban thường vụ và đảng bộ, không cục bộ địa phương và lợi ích nhóm. Có trình độ, kiến thức toàn diện về chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, ... và nắm chắc tình hình chung của Thủ đô và của đất nước. Có quyết tâm chính trị cao, quyết đoán, quyết liệt để quyết định xử lý những vấn đề khó, phức tạp liên quan đến Thành phố. Am hiểu sâu rộng về công tác xây dựng Đảng, công tác vận động quần chúng và hoạt động của hệ thống chính trị. Có năng lực cụ thể hoá đường lối, chủ trương,

chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước vào việc hoạch định chiến lược xây dựng, phát triển và lãnh đạo, điều hành thực hiện có hiệu quả ở Thành phố. Có năng lực chỉ đạo tổng kết, đúc rút kinh nghiệm, phát hiện và đề xuất với Trung ương những chủ trương, cơ chế, chính sách và giải quyết những vấn đề mới nảy sinh từ thực tiễn địa phương. Đã kinh qua lãnh đạo chủ chốt cấp dưới trực tiếp và kinh qua, hoàn thành tốt nhiệm vụ ở chức vụ phó bí thư cấp ủy cấp tỉnh hoặc tương đương.

(2) Tiêu chuẩn Phó Bí thư Thành ủy: Có trình độ, kiến thức toàn diện; nắm chắc tình hình chung của Thủ đô và của đất nước; am hiểu sâu về công tác xây dựng Đảng, công tác vận động quần chúng và hoạt động của hệ thống chính trị. Có uy tín trong đảng bộ, khả năng quy tụ và tập hợp sự đoàn kết. Có năng lực chỉ đạo cụ thể hoá và vận dụng sáng tạo các nghị quyết của Đảng, nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố và của Thành ủy thành các chương trình, kế hoạch công tác và tổ chức thực hiện có hiệu quả. Có năng lực chỉ đạo, điều hành hoạt động của các cơ quan tham mưu, giúp việc của Thành ủy; kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết việc thực hiện các chủ trương, nghị quyết, chương trình, kế hoạch công tác của Thành ủy và đề xuất các chủ trương, nhiệm vụ, giải pháp với Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy, Bí thư Thành ủy để lãnh đạo, chỉ đạo. Có kinh nghiệm lãnh đạo, chỉ đạo công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị. Đã kinh qua lãnh đạo chủ chốt cấp dưới trực tiếp và hoàn thành tốt nhiệm vụ ở chức vụ Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân Thành phố, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố hoặc tương đương.

(3) Tiêu chuẩn Chủ tịch Hội đồng nhân dân Thành phố: Bảo đảm đầy đủ khung tiêu chuẩn chung hoặc tiêu chuẩn Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương, đồng thời, cần có những phẩm chất, năng lực: Có trình độ, kiến thức toàn diện về pháp luật và quản lý nhà nước; am hiểu về tình hình chính trị, kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng, đối ngoại của Thủ đô và của đất nước. Có năng lực cụ thể hoá, thể chế hoá đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nghị quyết của Thành ủy thành nghị quyết, quy định của Hội đồng nhân dân về phát triển kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng, đối ngoại của Thủ đô; đồng thời chỉ đạo tổ chức giám sát thực hiện có hiệu quả. Có năng lực lãnh đạo, chỉ đạo tổng kết thực tiễn, đề xuất với cấp có thẩm quyền ban hành các thể chế, cơ chế, chính sách về kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng, đối ngoại tại Thành phố. Có năng lực phối hợp, giữ mối liên hệ với Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân và công dân; chỉ đạo giải quyết kịp thời các kiến nghị hợp pháp, chính đáng của cử tri. Tổ chức, điều hành hoạt động của Hội đồng nhân dân hiệu quả và đúng pháp luật.

Đã kinh qua lãnh đạo chủ chốt cấp dưới trực tiếp và kinh qua, hoàn thành tốt nhiệm vụ ở chức vụ Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân Thành phố hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố hoặc Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy hoặc tương đương.

(4) Tiêu chuẩn Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố: Bảo đảm đầy đủ khung tiêu chuẩn chung hoặc tiêu chuẩn Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương, đồng thời, cần có những phẩm chất, năng lực: Có trình độ, kiến thức toàn diện về pháp luật và quản lý hành chính nhà nước; am hiểu về tình hình chính trị, kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng, đối ngoại của Thủ đô và của đất nước. Có năng lực cụ thể hoá, thể chế hoá đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nghị quyết của Thành ủy, Hội đồng nhân dân Thành phố thành chương trình, kế hoạch của Ủy ban nhân dân và chỉ đạo tổ chức thực hiện có hiệu quả. Có năng lực toàn diện về tổ chức, quản lý, chỉ đạo, điều hành các cơ quan chuyên môn thuộc quyền và Ủy ban nhân dân cấp dưới; quyết đoán, quyết liệt, kịp thời để quyết định những vấn đề khó, phức tạp liên quan đến quản lý nhà nước ở Thành phố. Có năng lực lãnh đạo, chỉ đạo tổng kết thực tiễn, đề xuất với cấp có thẩm quyền ban hành các thể chế, cơ chế, chính sách phát triển Thủ đô. Đã kinh qua lãnh đạo chủ chốt cấp dưới trực tiếp và kinh qua, hoàn thành tốt nhiệm vụ ở chức vụ Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân Thành phố hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố hoặc Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy hoặc tương đương.

4. Tiêu chuẩn cấp ủy viên, ủy viên ban thường vụ, chức danh lãnh đạo cấp ủy đảng bộ cấp trên trực tiếp cơ sở và chính quyền xã, phường (mới)

(1) Tiêu chuẩn cấp ủy viên: Bảo đảm đầy đủ các tiêu chuẩn chung (nêu tại mục I), đồng thời cần có thêm các tiêu chuẩn: Là các đồng chí tiêu biểu của đảng bộ về bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức và năng lực công tác. Có ý thức, trách nhiệm, kiến thức, để tham gia xây dựng các chủ trương, định hướng công tác và sự lãnh đạo, chỉ đạo tập thể của cấp ủy; có năng lực cụ thể hóa và chỉ đạo, tổ chức thực hiện thắng lợi đường lối của Trung ương và các chủ trương, nghị quyết của Thành phố trong lĩnh vực công tác được phân công phụ trách; đoàn kết, phát huy được sức mạnh tổng hợp của đội ngũ cán bộ, đảng viên và Nhân dân.

(2) Tiêu chuẩn ủy viên ban thường vụ cấp ủy: Đảm bảo đầy đủ các tiêu chuẩn của ủy viên ban chấp hành đảng bộ, đồng thời cần có những phẩm chất, năng lực: Tiêu biểu về đạo đức, trí tuệ, có uy tín cao, là hạt nhân đoàn kết trong ban chấp hành, ban thường vụ và đảng bộ. Có trình độ, kiến thức toàn diện, nắm chắc tình hình chung của đảng bộ và của Thành phố. Am hiểu về công tác xây dựng

Đảng, có năng lực cụ thể hóa đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước vào lĩnh vực được phân công phụ trách và lãnh đạo, tổ chức thực hiện có hiệu quả ở đảng bộ. Có năng lực phát hiện, đề xuất những vấn đề thực tiễn đặt ra liên quan đến hoạt động của đảng bộ, của đơn vị để ban thường vụ cấp ủy thảo luận, quyết định hoặc đề xuất với Thường trực, Ban Thường vụ Thành ủy và cơ quan, tổ chức liên quan nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, bảo đảm cho địa phương, cơ quan, đơn vị hoàn thành nhiệm vụ chính trị và phát triển. Nói chung, đã kinh qua, hoàn thành tốt nhiệm vụ ở chức vụ ủy viên ban chấp hành đảng bộ cấp trên trực tiếp cơ sở hoặc tương đương trở lên.

(3) Tiêu chuẩn bí thư cấp ủy: Đảm bảo đầy đủ các tiêu chuẩn của ủy viên ban thường vụ cấp ủy, đồng thời, cần có những phẩm chất, năng lực: Tiêu biểu nhất trong ban chấp hành đảng bộ về bản lĩnh chính trị, đạo đức, trí tuệ, có uy tín cao, là hạt nhân đoàn kết trong ban chấp hành, ban thường vụ và đảng bộ, không cục bộ địa phương và lợi ích nhóm. Có trình độ, kiến thức về chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, quốc phòng, an ninh. Am hiểu về công tác xây dựng Đảng, công tác vận động quần chúng và hoạt động của hệ thống chính trị. Có quyết tâm chính trị cao, quyết đoán, quyết liệt để quyết định xử lý những vấn đề khó, phức tạp; có năng lực cụ thể hoá đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các nghị quyết, quyết định, chính sách... của Thành phố vào việc định hướng xây dựng, phát triển và lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành thực hiện có hiệu quả ở địa phương, cơ quan, đơn vị. Có năng lực chỉ đạo tổng kết, đúc rút kinh nghiệm, phát hiện và đề xuất với Thành phố những chủ trương, cơ chế, chính sách và giải quyết những vấn đề mới nảy sinh từ thực tiễn địa phương, cơ quan, đơn vị. Nói chung, đã kinh qua, hoàn thành tốt nhiệm vụ ở chức vụ ủy viên ban thường vụ, phó bí thư cấp ủy đảng bộ cấp trên trực tiếp cơ sở hoặc tương đương trở lên.

(4) Tiêu chuẩn phó bí thư cấp ủy: Am hiểu sâu về công tác xây dựng Đảng, công tác vận động quần chúng, hoạt động của hệ thống chính trị. Có uy tín trong đảng bộ; có khả năng quy tụ và tập hợp sự đoàn kết; năng lực chỉ đạo cụ thể hoá và vận dụng sáng tạo các nghị quyết của Đảng, nghị quyết đại hội đảng bộ và của cấp ủy thành các chương trình, kế hoạch công tác và tổ chức thực hiện có hiệu quả. Có năng lực chỉ đạo, điều hành hoạt động của các cơ quan tham mưu, giúp việc cấp ủy; kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết việc thực hiện các chủ trương, nghị quyết, chương trình, kế hoạch công tác của cấp ủy và đề xuất các chủ trương, nhiệm vụ, giải pháp với cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy, bí thư cấp ủy để lãnh đạo, chỉ đạo. Nói chung, đã kinh qua, hoàn thành tốt nhiệm vụ ở chức vụ ủy viên ban thường vụ cấp ủy đảng bộ cấp trên trực tiếp cơ sở hoặc tương đương trở lên.

(5) Tiêu chuẩn chủ tịch hội đồng nhân dân, chủ tịch ủy ban nhân dân xã, phường (mới): Áp dụng tiêu chuẩn của phó bí thư cấp ủy nêu trên, nhấn mạnh thêm một số tiêu chuẩn sau:

- *Đối với chủ tịch hội đồng nhân dân:* Có trình độ, kiến thức toàn diện về pháp luật và quản lý nhà nước; am hiểu về tình hình chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng của quận, huyện, thị xã và của Thành phố. Có năng lực cụ thể hoá, thể chế hoá đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nghị quyết của cấp ủy thành nghị quyết, quy định của Hội đồng nhân dân về phát triển kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng, đối ngoại của địa phương; đồng thời chỉ đạo tổ chức giám sát thực hiện có hiệu quả. Có năng lực lãnh đạo, chỉ đạo tổng kết thực tiễn, đề xuất với cấp có thẩm quyền ban hành các thể chế, cơ chế, chính sách về kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng của địa phương. Có năng lực chỉ đạo giải quyết kịp thời các kiến nghị hợp pháp, chính đáng của cử tri. Tổ chức, điều hành hoạt động của Hội đồng nhân dân hiệu quả và đúng pháp luật.

- *Đối với chủ tịch ủy ban nhân dân:* Có trình độ, kiến thức toàn diện về pháp luật và quản lý hành chính nhà nước; am hiểu về tình hình chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng của địa phương và của Thành phố. Có năng lực cụ thể hoá, thể chế hoá đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nghị quyết của cấp ủy, Hội đồng nhân dân thành chương trình, kế hoạch của Ủy ban nhân dân và chỉ đạo tổ chức thực hiện có hiệu quả. Có năng lực toàn diện về tổ chức, quản lý, chỉ đạo, điều hành; quyết đoán, quyết liệt, kịp thời để quyết định những vấn đề khó, phức tạp liên quan đến quản lý nhà nước ở địa phương; có năng lực lãnh đạo, chỉ đạo tổng kết thực tiễn, đề xuất với cấp có thẩm quyền ban hành các thể chế, cơ chế, chính sách phát triển địa phương.

5. Tiêu chuẩn cấp ủy viên, ủy viên ban thường vụ và chức danh lãnh đạo cấp ủy cơ sở

Căn cứ vào tiêu chuẩn chung (nêu tại mục I) và các quy định có liên quan, ban thường vụ các cấp ủy đảng bộ cấp trên trực tiếp cơ sở quy định bảo đảm phù hợp với yêu cầu thực tiễn của địa phương, cơ quan, đơn vị.

PHỤ LỤC 2

ĐỘ TUỔI CẤP ỦY VIÊN NHIỆM KỲ 2025 - 2030
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 329 - KH/TU, ngày 15/5/2025
của Thành ủy Hà Nội)

1. Những đồng chí lần đầu tham gia cấp ủy

1.1. Đối với Thành phố: Nam sinh từ tháng 9/1968, nữ sinh từ tháng 5/1972 trở lại đây.

1.2. Đối với đảng bộ cấp trên trực tiếp cơ sở: Nam sinh từ tháng 6/1968, nữ sinh từ tháng 02/1972 trở lại đây.

1.3. Đối với đảng bộ các xã, phường (mới): Nam sinh từ tháng 7/1968, nữ sinh từ tháng 3/1972 trở lại đây.

Đối với trường công an cấp xã, thì phải còn thời gian công tác ít nhất 5 năm (60 tháng) theo quy định về độ tuổi nghỉ hưu nêu tại Luật Công an nhân dân (sửa đổi, bổ sung năm 2023).

1.4. Đối với cấp cơ sở (trừ các chi, đảng bộ cơ sở trong doanh nghiệp ngoài khu vực Nhà nước, các đơn vị sự nghiệp ngoài công lập): Nam sinh từ tháng 4/1968, nữ sinh từ tháng 01/1972 trở lại đây.

2. Những đồng chí được giới thiệu tái cử cấp ủy

2.1. Đối với Thành phố: Nam sinh từ tháng 9/1967, nữ sinh từ tháng 9/1971 trở lại đây. Trường hợp đặc biệt đối với nhân sự là Phó Bí thư Thành ủy, thì nam sinh từ tháng 3/1967, nữ sinh từ tháng 3/1969 trở lại đây. Riêng các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Trung ương Đảng thực hiện độ tuổi tái cử theo Phương hướng công tác nhân sự Đại hội XIV của Đảng.

2.2. Đối với đảng bộ cấp trên trực tiếp cơ sở: Nam sinh từ tháng 6/1967, nữ sinh từ tháng 6/1971 trở lại đây.

2.3. Đối với đảng bộ các xã, phường (mới): Nam sinh từ tháng 7/1967, nữ sinh từ tháng 7/1971 trở lại đây.

Đối với trường công an cấp xã, thì phải còn thời gian công tác ít nhất 48 tháng theo quy định về độ tuổi nghỉ hưu nêu tại Luật Công an nhân dân (sửa đổi, bổ sung năm 2023).

2.4. Đối với cấp cơ sở (trừ các chi, đảng bộ cơ sở trong doanh nghiệp ngoài khu vực Nhà nước, các đơn vị sự nghiệp ngoài công lập): Nam sinh từ tháng 4/1967, nữ sinh từ tháng 5/1971 trở lại đây.

2.5. Đối với lực lượng vũ trang: Độ tuổi tham gia cấp ủy căn cứ vào độ tuổi nghỉ hưu quy định tại Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam và Luật Công an nhân dân (*sửa đổi, bổ sung năm 2023*) và thực hiện theo Hướng dẫn cụ thể của Quân ủy Trung ương và Đảng ủy Công an Trung ương.

Các đồng chí tham gia cấp ủy địa phương thực hiện theo quy định chung về độ tuổi tham gia cấp ủy các cấp theo Chỉ thị của Bộ Chính trị và Kế hoạch của Thành ủy.

2.6. Đối với các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước: Các đồng chí bí thư đảng ủy là thủ trưởng, phó bí thư cấp ủy chuyên trách trong đảng bộ của cơ quan Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc (*gồm tổ chức chính trị - xã hội*), đơn vị sự nghiệp; bí thư hoặc phó bí thư là chủ tịch hội đồng thành viên (*hội đồng quản trị*), tổng giám đốc, phó bí thư cấp ủy chuyên trách công tác đảng trong các doanh nghiệp nhà nước còn tuổi công tác từ 01 năm (*12 tháng*) trở lên do cấp có thẩm quyền quyết định.

2.7. Đối với doanh nghiệp ngoài khu vực Nhà nước, các đơn vị sự nghiệp ngoài công lập: Không quy định độ tuổi lần đầu và tái cử tham gia cấp ủy, tùy tình hình thực tế, các đồng chí có năng lực, đủ sức khỏe, tín nhiệm, nếu được cấp ủy cùng cấp đề xuất và được cấp ủy cấp trên trực tiếp đồng ý thì có thể tham gia cấp ủy khóa mới.

3. Độ tuổi ứng cử chức danh cao hơn, tái cử đối với các đồng chí cán bộ nữ của Thành phố thuộc đối tượng được nghỉ hưu ở độ tuổi cao hơn (không quá 60 tuổi) theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước¹

3.1. Các đồng chí cán bộ nữ được nghỉ hưu ở độ tuổi 60, nếu lần đầu ứng cử các chức danh lãnh đạo cấp ủy Thành phố (*chức vụ cao hơn*), thì ít nhất sinh từ tháng 9/1970 trở lại đây.

3.2. Các đồng chí cán bộ nữ được nghỉ hưu ở độ tuổi 60, nếu tái cử Ủy viên Ban Chấp hành, Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy, thì ít nhất sinh từ tháng 9/1969 trở lại đây.

¹ Theo Nghị định số 83/2022/NĐ-CP, ngày 18/10/2022 và Nghị định số 99/2024/NĐ-CP, ngày 26/7/2024 của Chính phủ quy định về nghỉ hưu ở tuổi cao hơn đối với cán bộ, công chức, gồm: cán bộ nữ là Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân Thành phố, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.

PHỤ LỤC 3

SỐ LƯỢNG, CƠ CẤU CẤP ỦY VIÊN, ỦY VIÊN BAN THƯỜNG VỤ, PHÓ BÍ THƯ CẤP ỦY CÁC CẤP NHIỆM KỲ 2025 - 2030

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 329 - KH/TU, ngày 15/5/2025
của Thành ủy Hà Nội)

I. ĐẢNG BỘ THÀNH PHỐ

1. Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố

1.1. Số lượng: Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố khóa XVIII, nhiệm kỳ 2025 - 2030 có số lượng không quá 75 đồng chí.

1.2. Cơ cấu: Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố khóa XVIII, nhiệm kỳ 2025 - 2030 cần có cơ cấu hợp lý để bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện trên các lĩnh vực công tác: công tác Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc (gồm các tổ chức chính trị-xã hội), lực lượng vũ trang và các vị trí trọng yếu của Thành phố, bố trí theo định hướng sau:

- Thường trực Thành ủy; lãnh đạo Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân Thành phố; lãnh đạo Đoàn Đại biểu Quốc hội Thành phố.
- Các Ban Đảng và Văn phòng Thành ủy.
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc (gồm các tổ chức chính trị-xã hội) Thành phố.
- Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, Công an Thành phố và lãnh đạo một số sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị có vị trí quan trọng của Thành phố để đảm bảo sự lãnh đạo của Thành ủy.
- Lãnh đạo cấp ủy xã, phường và đảng bộ trực thuộc Thành ủy.
- Trên cơ sở tiêu chuẩn, cần bố trí một số đồng chí đại diện cho các nhà khoa học, trí thức, một số doanh nghiệp lớn, tiêu biểu của Thành phố tham gia Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố.

Những địa bàn, lĩnh vực công tác cần bố trí các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành nhưng chưa có người đủ tiêu chuẩn hoặc không trùng cử vào Ban Chấp hành, thì sau Đại hội lần thứ XVIII Đảng bộ Thành phố, Ban Thường vụ Thành ủy sẽ xem xét, điều động các đồng chí Thành ủy viên đến đảm nhiệm vị trí chủ chốt.

2. Ban Thường vụ Thành ủy

2.1. Số lượng: Ban Thường vụ Thành ủy khóa XVIII, nhiệm kỳ 2025 - 2030 có số lượng không quá 17 đồng chí.

2.2. Định hướng cơ cấu gồm các đồng chí: Bí thư Thành ủy, Phó Bí thư Thành ủy; Chủ tịch Hội đồng nhân dân Thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố; 01 Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân Thành phố; 01 Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố; Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Thành ủy và trưởng các ban Đảng Thành ủy: Tổ chức, Tuyên giáo và Dân vận, Nội chính; 01 Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố; Tư lệnh Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội; Giám đốc Công an Thành phố; người đứng đầu một số xã, phường và lĩnh vực quan trọng cần tập trung sự lãnh đạo của Ban Thường vụ Thành ủy.

3. Phó Bí thư Thành ủy: Thực hiện Kết luận số 102-KL/TW, ngày 30/11/2024 của Bộ Chính trị, Phó Bí thư Thành ủy khóa XVIII, nhiệm kỳ 2025 - 2030 có số lượng là 04 đồng chí, định hướng phân công: 01 Phó Bí thư Thành ủy Thường trực Thành ủy, 01 Phó Bí thư Thành ủy kiêm Chủ tịch Hội đồng nhân dân Thành phố, 01 Phó Bí thư Thành ủy làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố và 01 Phó Bí thư Thành ủy.

II. ĐẢNG BỘ CẤP TRÊN TRỰC TIẾP CƠ SỞ

1. Đảng bộ xã, phường (mới)

1.1. Ban chấp hành: Số lượng cấp ủy viên từ 27 đến 33 đồng chí; trong đó, đảng bộ hợp nhất, sáp nhập từ 2 xã (*phường*) hoặc đảng bộ xã không thuộc diện hợp nhất, sáp nhập, thì số lượng tối đa không quá 27; đảng bộ hợp nhất, sáp nhập từ 3 xã (*phường*) trở lên, thì số lượng tối đa không quá 33.

Định hướng cơ cấu ban chấp hành gồm các đồng chí: Bí thư, phó bí thư; chủ tịch hội đồng nhân dân (*chức danh kiêm nhiệm*), chủ tịch ủy ban nhân dân; phó chủ tịch hội đồng nhân dân, các phó chủ tịch ủy ban nhân dân; phó trưởng ban hội đồng nhân dân chuyên trách; chủ nhiệm và phó chủ nhiệm thường trực ủy ban kiểm tra cấp ủy; trưởng ban và 01 phó trưởng ban xây dựng Đảng; chánh văn phòng cấp ủy; chỉ huy trưởng quân sự; trưởng công an; chủ tịch và một số phó chủ tịch Mặt trận Tổ quốc; cấp trưởng chuyên trách phòng chuyên môn và tương đương, đơn vị sự nghiệp công lập (*trạm y tế, trung tâm chính trị, trường học, đơn vị sự nghiệp khác...*); cấp phó một số cơ quan, đơn vị có cấp trưởng tham gia ban thường vụ; bí thư các tổ chức đảng trực thuộc.

1.2. Ban thường vụ: Số lượng ủy viên ban thường vụ cấp ủy từ 9 đến 11 đồng chí. Định hướng cơ cấu ban thường vụ gồm các đồng chí: Bí thư, phó bí thư; chủ tịch hội đồng nhân dân (*bí thư hoặc phó bí thư thường trực kiêm nhiệm*), chủ tịch ủy ban nhân dân; 01 phó chủ tịch hội đồng nhân dân, 01 phó chủ tịch ủy ban nhân dân; chủ nhiệm ủy ban kiểm tra cấp ủy; trưởng ban xây dựng Đảng; chỉ huy trưởng quân sự; trưởng công an; chủ tịch Mặt trận Tổ quốc và cơ cấu khác (*nếu có*).

Ở những nơi ban thường vụ cấp ủy có số lượng 11 đồng chí, ngoài các cơ cấu nêu trên, thì xem xét bố trí người đứng đầu cấp ủy, đơn vị, lĩnh vực quan trọng tham gia ban thường vụ cấp ủy. Ở những nơi ban thường vụ cấp ủy có số lượng 9 đồng chí, thì xem xét không bố trí cơ cấu phó chủ tịch hội đồng nhân dân hoặc phó chủ tịch ủy ban nhân dân tham gia ban thường vụ cấp ủy.

1.3. Phó bí thư: Số lượng phó bí thư cấp ủy ở mỗi xã, phường là 02 đồng chí, định hướng cơ cấu có 01 phó bí thư thường trực và 01 phó bí thư, chủ tịch ủy ban nhân dân.

2. Đảng bộ các cơ quan Đảng thành phố Hà Nội và Đảng bộ Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội

2.1. Đảng bộ các cơ quan Đảng thành phố Hà Nội

Số lượng cấp ủy viên không quá 33 đồng chí; số lượng ủy viên ban thường vụ cấp ủy không quá 11 đồng chí; số lượng phó bí thư cấp ủy không quá 03 đồng chí (02 đồng chí kiêm nhiệm, 01 đồng chí chuyên trách).

Định hướng cơ cấu ban thường vụ cấp ủy gồm các đồng chí: Phó Bí thư Thường trực Thành ủy là Bí thư Đảng ủy; Phó Bí thư Thành ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân Thành phố là Phó Bí thư Đảng ủy; 01 Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy, Trưởng ban Đảng Thành ủy là Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy; 01 Phó Bí thư Đảng ủy chuyên trách (*có thể cơ cấu tham gia Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố*); Chánh Văn phòng Thành ủy; 04 trong 05 lãnh đạo cấp phó của các cơ quan, đơn vị: Ban Tổ chức, Ủy ban Kiểm tra, Ban Tuyên giáo và Dân vận, Ban Nội chính Thành ủy, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố (*trong đó cơ quan, đơn vị mà có đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy giữ chức Phó Bí thư Thường trực thì không giới thiệu nhân sự tham gia Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy*); cơ cấu còn lại do Đảng ủy các cơ quan Đảng Thành phố đề xuất, Ban Thường vụ Thành ủy xem xét, quyết định.

2.2. Đảng bộ Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội

Số lượng cấp ủy viên không quá 33 đồng chí; số lượng ủy viên ban thường vụ cấp ủy không quá 11 đồng chí; số lượng phó bí thư cấp ủy không quá 03 đồng chí (01 đồng chí kiêm nhiệm, 02 đồng chí chuyên trách).

Định hướng cơ cấu ban thường vụ cấp ủy gồm các đồng chí: Phó Bí thư Thành ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố là Bí thư Đảng ủy; Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy, Phó Chủ tịch Thường trực Ủy ban nhân dân Thành phố là Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy; các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố; Giám đốc Sở Nội vụ Thành phố; Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố; 02 Phó Bí thư Đảng ủy chuyên trách (*có thể cơ cấu 01 đồng chí tham gia Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố*).

Lưu ý: Sau khi phân công, kiện toàn nhân sự Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Bí thư, Phó Bí thư Thành ủy nhiệm kỳ 2025-2030, thì Ban Thường vụ Thành ủy mới chỉ định ban chấp hành, ban thường vụ, bí thư, phó bí thư nhiệm kỳ 2025-2030 của 02 đảng bộ nêu trên.

3. Đảng bộ cấp trên trực tiếp cơ sở khác

Số lượng ủy viên ban chấp hành từ 21 đến 27 đồng chí; số lượng ủy viên ban thường vụ cấp ủy ở mỗi đảng bộ từ 7 đến 9 đồng chí, đảm bảo không quá 1/3 số lượng cấp ủy viên; phó bí thư từ 1 đến 2 đồng chí. Các cấp ủy căn cứ yêu cầu nhiệm vụ chính trị, tình hình đội ngũ cán bộ để xác định cơ cấu cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy cho phù hợp.

Riêng với Đảng bộ Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, Đảng bộ Công an thành phố Hà Nội thực hiện theo Hướng dẫn của Quân ủy Trung ương và Đảng ủy Công an Trung ương.

III. ĐẢNG BỘ CẤP CƠ SỞ

1. Đối với các đảng bộ (chi bộ) cơ sở trực thuộc Đảng bộ các cơ quan Đảng thành phố Hà Nội và Đảng bộ Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội

1.1. Về số lượng: Số lượng cấp ủy viên không quá 15 đồng chí; ban thường vụ cấp ủy không quá 05 đồng chí; phó bí thư từ 1 đến 2 đồng chí.

1.2. Định hướng cơ cấu ban thường vụ cấp ủy:

a) Ở các đảng bộ (chi bộ) cơ sở trực thuộc Đảng bộ các cơ quan Đảng thành phố Hà Nội:

- Đảng bộ Hội đồng nhân dân Thành phố: Đồng chí Chủ tịch Hội đồng nhân dân Thành phố là Bí thư Đảng ủy; 01-02 đồng chí Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân Thành phố là Phó Bí thư Đảng ủy; người đứng đầu một số đơn vị trực thuộc do đảng ủy xem xét, quyết định.

- Đảng bộ Mặt trận Tổ quốc (*gồm các tổ chức chính trị-xã hội, các hội quần chúng cấp Thành phố do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ*), các cơ quan tham mưu, giúp việc của Thành ủy (*Ban Tổ chức, Ủy ban Kiểm tra, Ban Tuyên giáo và Dân vận, Ban Nội chính, Văn phòng Thành ủy*): 01 cấp phó của người đứng đầu là bí thư đảng ủy, 01-02 cấp phó của người đứng đầu là phó bí thư đảng ủy, người đứng đầu một số đơn vị trực thuộc do đảng ủy xem xét, quyết định.

- Đảng bộ (chi bộ) Báo Hà Nội mới, Trường Đào tạo cán bộ Lê Hồng Phong, Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân: Người đứng đầu là bí thư đảng ủy, 01-02 cấp phó của người đứng đầu là phó bí thư đảng ủy, người đứng đầu một số đơn vị trực thuộc do đảng ủy xem xét, quyết định.

b) Ở các đảng bộ (chi bộ) cơ sở trực thuộc Đảng bộ Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội: Người đứng đầu là bí thư đảng ủy, 01-02 cấp phó của người đứng đầu là phó bí thư đảng ủy, người đứng đầu một số đơn vị trực thuộc do đảng ủy xem xét, quyết định.

2. Đối với các đảng bộ (chi bộ) cơ sở khác

(1) Số lượng cấp ủy viên, ủy viên ban thường vụ cấp ủy cơ bản thực hiện như ở nhiệm kỳ 2020-2025. Các cấp ủy căn cứ yêu cầu nhiệm vụ chính trị, tình hình đội ngũ cán bộ để xác định cơ cấu ban thường vụ cấp ủy cho phù hợp.

(2) Đảng bộ cơ sở trong doanh nghiệp nhà nước có phạm vi hoạt động rộng, nhiều đầu mối trực thuộc, đông đảng viên, thì số lượng cấp ủy không quá 19 đồng chí, ban thường vụ cấp ủy không quá 5 đồng chí.

(3) Đảng bộ cơ sở được giao hoặc thí điểm giao một số quyền cấp trên cơ sở theo Quy định số 113-QĐ/TW, ngày 10/7/2023 của Ban Bí thư, thì số lượng cấp ủy không quá 27 đồng chí, ban thường vụ cấp ủy từ 7 đến 9 đồng chí, đảm bảo không quá 1/3 số lượng cấp ủy viên.

(4) Đảng bộ cơ sở trong lực lượng vũ trang: Thực hiện theo Hướng dẫn của Quân ủy Trung ương và Đảng ủy Công an Trung ương.

IV. ĐẢNG BỘ THỰC HIỆN HỢP NHẤT, SÁP NHẬP

Đối với những đảng bộ thực hiện hợp nhất, sáp nhập theo quy định, thì số lượng cấp ủy viên, ủy viên ban thường vụ, phó bí thư, ủy ban kiểm tra cấp ủy tại thời điểm hợp nhất, sáp nhập có thể nhiều hơn số lượng quy định nêu trên nhưng tối đa không quá tổng số lượng hiện có của các đảng bộ trước khi hợp nhất (*không bao gồm các đồng chí đến tuổi nghỉ hưu, nghỉ công tác hoặc chuyển công tác khác*) và chậm nhất sau 5 năm kể từ ngày thành lập đảng bộ mới, thì số lượng phải thực hiện theo quy định nêu tại Kế hoạch này.

Lưu ý: Đối với đảng bộ xã, phường (mới) trực thuộc Đảng bộ Thành phố thì thực hiện đúng số lượng theo quy định nêu tại mục 1, phần II ngay từ đầu nhiệm kỳ 2025-2030.

PHỤ LỤC 4
QUY TRÌNH VÀ HỒ SƠ NHÂN SỰ CẤP ỦY
NHIỆM KỲ 2025 - 2030

*(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 329 - KH/TU, ngày 15/5/2025
của Thành ủy Hà Nội)*

PHẦN I. QUY TRÌNH NHÂN SỰ CẤP ỦY ĐẢNG BỘ THÀNH PHỐ

I. TRÌNH TỰ, ĐỐI TƯỢNG THỰC HIỆN: Thực hiện quy trình giới thiệu nhân sự tái cử trước, sau khi xác định được số lượng nhân sự tái cử đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định, thì thực hiện quy trình giới thiệu nhân sự lần đầu.

1. Thực hiện Quy trình giới thiệu nhân sự tái cử Ủy viên Ban Chấp hành, Ủy viên Ban Thường vụ, Bí thư, Phó Bí thư, Ủy ban Kiểm tra (*Ủy viên, Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm*) Thành ủy nhiệm kỳ 2025 - 2030; Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân Thành phố nhiệm kỳ 2026 - 2031.

2. Thực hiện Quy trình nhân sự giới thiệu nhân sự lần đầu tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Bí thư, Phó Bí thư, Ủy ban Kiểm tra (*Ủy viên, Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm*) Thành ủy nhiệm kỳ 2025 - 2030; Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân Thành phố nhiệm kỳ 2021 - 2026 sau Đại hội Đảng bộ Thành phố khóa XVIII (*nếu có khuyết thiếu*) và nhiệm kỳ 2026 - 2031.

Quy trình giới thiệu nhân sự Ủy ban Kiểm tra Thành ủy; Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân Thành phố; Trưởng đoàn đại biểu Quốc hội Thành phố được thực hiện đồng thời với quy trình giới thiệu nhân sự cấp ủy Thành phố.

II. CÁC BƯỚC QUY TRÌNH

1. Quy trình nhân sự tái cử

(1) Bước 1: Hội nghị Ban Thường vụ Thành ủy

Căn cứ đề án nhân sự cấp ủy khóa mới được cấp ủy thông qua và danh sách nhân sự cấp ủy đương nhiệm, Ban Thường vụ Thành ủy thảo luận, thông qua danh sách nhân sự đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định và tiến hành ghi phiếu giới thiệu nhân sự tái cử bằng phiếu kín.

Nguyên tắc giới thiệu, lựa chọn: Nhân sự được giới thiệu, lựa chọn phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý trên 50% tổng số Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy được triệu tập. (*Kết quả kiểm phiếu được công bố tại hội nghị này*).

(2) Bước 2: Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố

Trên cơ sở kết quả giới thiệu nhân sự ở bước 1, Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố thảo luận và biểu quyết giới thiệu nhân sự tái cử bằng phiếu kín.

Nguyên tắc giới thiệu, lựa chọn: Nhân sự được giới thiệu, lựa chọn phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý trên 50% tổng số Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố được triệu tập. (*Kết quả kiểm phiếu được công bố tại hội nghị này*).

2. Quy trình nhân sự lần đầu tham gia cấp ủy

(1) Bước 1: Hội nghị Ban Thường vụ Thành ủy

Căn cứ đề án nhân sự cấp ủy khóa mới được cấp ủy thông qua và trên cơ sở danh sách nguồn nhân sự quy hoạch cấp ủy nhiệm kỳ mới, Ban Thường vụ Thành ủy thảo luận, thông qua danh sách nhân sự quy hoạch đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định và tiến hành ghi phiếu giới thiệu nhân sự bằng phiếu kín.

Nguyên tắc giới thiệu, lựa chọn: Mỗi thành viên được lựa chọn, giới thiệu không quá cơ cấu, số lượng theo quy định¹ trong danh sách nhân sự đã được Ban Thường vụ Thành ủy thông qua.

Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý ít nhất từ 30% tổng số Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy được triệu tập trở lên và lấy từ cao xuống thấp cho đủ số dư 30% (nếu chưa đạt tỉ lệ số dư 30%, thì phải tiếp tục giới thiệu bổ sung cho đủ trước khi tiến hành giới thiệu ở bước 2 và được lựa chọn trong số các nhân sự chưa đạt tỉ lệ số phiếu giới thiệu ở lần trước). Trường hợp ở cuối danh sách giới thiệu có nhiều người có số phiếu giới thiệu bằng nhau thì đưa tất cả các đồng chí được giới thiệu vào danh sách để giới thiệu ở bước 2. (Kết quả kiểm phiếu được công bố tại hội nghị này).

(2) Bước 2: Hội nghị cán bộ chủ chốt Thành phố

Trên cơ sở kết quả giới thiệu nhân sự ở bước 1, hội nghị nghiên cứu danh sách trích ngang của nhân sự và ghi phiếu giới thiệu nhân sự bằng phiếu kín.

- *Thành phần:* Là các đồng chí trong Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân Thành phố; Phó trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội Thành phố chuyên trách; trưởng các ban Đảng và Văn phòng Thành ủy; Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, trưởng các tổ chức chính trị-xã hội Thành phố; cấp trưởng các sở, ban, ngành Thành phố và tương đương; bí thư, phó bí thư cấp ủy trực thuộc Thành ủy; chủ tịch Hội đồng nhân dân, chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường (mới).

- *Nguyên tắc giới thiệu, lựa chọn:* Mỗi thành viên được giới thiệu không quá cơ cấu, số lượng theo quy định² và lựa chọn, giới thiệu nhân sự trong danh sách nhân sự được giới thiệu ở bước 1.

¹ Đối với số lượng Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố nhiệm kỳ 2025 - 2030 là: $(75 \times 30\% + 75 = 97$ hoặc 98 đồng chí) - Số lượng Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố nhiệm kỳ 2020 - 2025 được giới thiệu tái cử. Đối với số lượng Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy nhiệm kỳ 2025 - 2030 là: $(17 \times 30\% + 17 = 22$ hoặc 23 đồng chí) - Số lượng Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy nhiệm kỳ 2020 - 2025 được giới thiệu tái cử.

² Đối với số lượng Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố nhiệm kỳ 2025-2030 là: $(75 \times 25\% + 75 = 93$ hoặc 94 đồng chí) - Số lượng Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố nhiệm kỳ 2020 - 2025 được giới thiệu tái cử. Đối với số lượng Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy nhiệm kỳ 2025 - 2030 là: $(17 \times 25\% + 17 = 21$ hoặc 22 đồng chí) - Số lượng Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy nhiệm kỳ 2020 - 2025 được giới thiệu tái cử.

Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý ít nhất từ 30% tổng số cán bộ được triệu tập trở lên và lấy từ cao xuống thấp cho đủ số dư 25% (nếu chưa đạt tỉ lệ số dư 25%, thì phải tiếp tục giới thiệu bổ sung cho đủ trước khi tiến hành giới thiệu ở bước 3 và được lựa chọn trong số các nhân sự chưa đạt tỉ lệ số phiếu giới thiệu ở lần trước). Trường hợp ở cuối danh sách giới thiệu có nhiều người có số phiếu giới thiệu bằng nhau thì đưa tất cả các đồng chí được giới thiệu vào danh sách để giới thiệu ở bước 3. (Kết quả kiểm phiếu không công bố tại hội nghị này).

(3) Bước 3: Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố

Trên cơ sở kết quả giới thiệu nhân sự ở bước 2, Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố thảo luận và tiến hành giới thiệu nhân sự bằng phiếu kín.

Nguyên tắc giới thiệu và lựa chọn: Mỗi thành viên được giới thiệu không quá cơ cấu, số lượng theo quy định³ và lựa chọn, giới thiệu nhân sự trong danh sách được giới thiệu ở bước 2.

Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý ít nhất từ 50% trở lên tổng số Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố được triệu tập trở lên và lấy từ cao xuống thấp cho đủ số dư 20% (nếu chưa đạt tỉ lệ số dư 20%, thì phải tiếp tục giới thiệu bổ sung cho đủ trước khi tiến hành giới thiệu ở bước 4 và được lựa chọn trong số các nhân sự chưa đạt tỉ lệ số phiếu giới thiệu ở lần trước). Trường hợp cuối danh sách giới thiệu có nhiều người có số phiếu giới thiệu bằng nhau thì đưa tất cả các đồng chí được giới thiệu vào danh sách để giới thiệu ở bước 4. (Kết quả kiểm phiếu được công bố tại hội nghị này).

(4) Bước 4: Hội nghị Ban Thường vụ Thành ủy

Trên cơ sở kết quả giới thiệu nhân sự ở bước 3, Ban Thường vụ Thành ủy thảo luận và giới thiệu nhân sự bằng phiếu kín.

Nguyên tắc giới thiệu và lựa chọn: Mỗi thành viên được giới thiệu không quá cơ cấu, số lượng theo quy định⁴ và lựa chọn, giới thiệu nhân sự trong danh sách được giới thiệu ở bước 3.

³ Đối với số lượng Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố nhiệm kỳ 2025 - 2030 là: $(75 \times 20\% + 75 = 90 \text{ hoặc } 91 \text{ đồng chí})$ - Số lượng Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố nhiệm kỳ 2020 - 2025 được giới thiệu tái cử. Đối với số lượng Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy nhiệm kỳ 2025 - 2030 là: $(17 \times 20\% + 17 = 20 \text{ hoặc } 21 \text{ đồng chí})$ - Số lượng Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy nhiệm kỳ 2020 - 2025 được giới thiệu tái cử.

⁴ Đối với số lượng Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố nhiệm kỳ 2025 - 2030 là: $(75 \times 15\% + 75 = 86 \text{ hoặc } 87 \text{ đồng chí})$ - Số lượng Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố nhiệm kỳ 2020 - 2025 được giới thiệu tái cử. Đối với số lượng Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy nhiệm kỳ 2025 - 2030 là: $(17 \times 15\% + 17 = 19 \text{ hoặc } 20 \text{ đồng chí})$ - Số lượng Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy nhiệm kỳ 2020 - 2025 được giới thiệu tái cử.

Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý ít nhất từ 50% trở lên tổng số Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy được triệu tập trở lên và lấy từ cao xuống thấp cho đủ số dư 15% (*nếu chưa đạt tỉ lệ số dư 15%, thì phải tiếp tục giới thiệu bổ sung cho đủ trước khi tiến hành giới thiệu ở bước 5 và được lựa chọn trong số các nhân sự chưa đạt tỉ lệ số phiếu giới thiệu ở lần trước*). Trường hợp cuối danh sách giới thiệu có nhiều người có số phiếu giới thiệu bằng nhau thì đưa tất cả các đồng chí được giới thiệu vào danh sách để giới thiệu ở bước 5. (*Kết quả kiểm phiếu được công bố tại hội nghị này*).

(5) Bước 5: Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố

Trên cơ sở kết quả phiếu giới thiệu ở các hội nghị; kết quả xác minh, kết luận những vấn đề mới nảy sinh (*nếu có*) đối với nhân sự; Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố thảo luận và biểu quyết giới thiệu nhân sự bằng phiếu kín.

Nguyên tắc giới thiệu, lựa chọn: Mỗi thành viên được giới thiệu không quá cơ cấu, số lượng theo quy định⁵ và lựa chọn, giới thiệu nhân sự trong danh sách được giới thiệu ở bước 4.

Nhân sự được lựa chọn phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý ít nhất trên 50% trở lên tổng số Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố được triệu tập trở lên và lấy từ cao xuống thấp cho đủ số lượng theo quy định (*số lượng được giới thiệu tính theo số dư từ 10 đến 15%*). Trường hợp có hai người trở lên cùng có số phiếu giới thiệu bằng nhau thì lựa chọn nhân sự do đồng chí Bí thư Thành ủy giới thiệu. (*Kết quả kiểm phiếu được công bố tại hội nghị này*).

*** Lưu ý:**

- Các hội nghị thực hiện quy trình nhân sự chỉ được tiến hành khi có ít nhất 2/3 số người được triệu tập có mặt tham dự.

- Số lượng Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy ở mỗi bước cũng tính tương tự như đối với Ủy viên Ban Chấp hành. Riêng đối với các chức danh Bí thư, Phó Bí thư Thành ủy; Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân Thành phố thì giới thiệu 1 người cho 1 chức danh.

PHẦN II. QUY TRÌNH NHÂN SỰ CẤP ỦY ĐỐI VỚI CÁC TỔ CHỨC ĐẢNG KHÔNG THỰC HIỆN VIỆC HỢP NHẤT, SÁP NHẬP

Thực hiện tương tự như quy trình cấp ủy Đảng bộ Thành phố nêu tại Phần I nêu trên. Đối với các đảng bộ trong lực lượng vũ trang, thì thực hiện theo Hướng dẫn của Quân ủy Trung ương và Đảng ủy Công an Trung ương.

⁵ Đối với số lượng Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố nhiệm kỳ 2025 - 2030 là: $(75 \times 10-15\% + 75 = 83$ hoặc 86 đồng chí) - Số lượng Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố nhiệm kỳ 2020 - 2025 được giới thiệu tái cử. Đối với số lượng Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy nhiệm kỳ 2025 - 2030 là: $(17 \times 10-15\% + 17 = 18$ hoặc 19 đồng chí) - Số lượng Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy nhiệm kỳ 2020 - 2025 được giới thiệu tái cử.

PHẦN HI. QUY TRÌNH CHỈ ĐỊNH NHÂN SỰ CẤP ỦY TỪ NGUỒN TẠI CHỖ ĐỐI VỚI CÁC TỔ CHỨC ĐẢNG SAU KHI HỢP NHẤT, SÁP NHẬP

1. Bước 1: Xây dựng và thông qua đề án nhân sự cấp ủy khóa mới

Căn cứ tiêu chuẩn, điều kiện, cơ cấu, số lượng nêu tại Kế hoạch của Thành ủy; yêu cầu nhiệm vụ chính trị của đảng bộ sáp nhập nhiệm kỳ 2025-2030 và tình hình đội ngũ cán bộ, ban thường vụ cấp ủy (sau khi hợp nhất, sáp nhập) chỉ đạo xây dựng đề án nhân sự ban chấp hành, ban thường vụ, bí thư, phó bí thư, ủy ban kiểm tra cấp ủy nhiệm kỳ 2025-2030 báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, thông qua trước khi trình ban chấp hành đảng bộ thảo luận, biểu quyết thông qua theo quy định.

2. Bước 2: Hội nghị ban thường vụ cấp ủy

Căn cứ đề án nhân sự cấp ủy khóa mới được cấp có thẩm quyền thông qua và danh sách nguồn nhân sự; ban thường vụ cấp ủy thảo luận, thông qua danh sách nhân sự đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định và tiến hành ghi phiếu giới thiệu nhân sự bằng phiếu kín.

Nguyên tắc giới thiệu, lựa chọn: Nhân sự được giới thiệu, lựa chọn phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý trên 50% tổng số đại biểu được triệu tập. *(Kết quả kiểm phiếu được công bố tại hội nghị này).*

3. Bước 3: Hội nghị ban chấp hành đảng bộ

Trên cơ sở kết quả giới thiệu nhân sự ở bước 2, ban chấp hành đảng bộ thảo luận và biểu quyết giới thiệu nhân sự bằng phiếu kín.

Nguyên tắc giới thiệu, lựa chọn: Nhân sự được giới thiệu, lựa chọn phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý trên 50% tổng số đại biểu được triệu tập. *(Kết quả kiểm phiếu được công bố tại hội nghị này).*

Lưu ý: Việc chỉ định ban chấp hành, ban thường vụ, bí thư, phó bí thư, ủy ban kiểm tra cấp ủy nhiệm kỳ 2025-2030 ở các đảng bộ xã, phường (mới) trực thuộc Đảng bộ Thành phố, thì thực hiện theo Hướng dẫn số 09-HĐ/TU, ngày 09/5/2025 của Ban Thường vụ Thành ủy.

PHẦN IV. DANH MỤC HỒ SƠ NHÂN SỰ

Danh mục hồ sơ nhân sự thống nhất khổ giấy A4 và sắp xếp theo thứ tự sau:

1. Tờ trình;
2. Bảng tổng hợp kết quả kiểm phiếu (kèm theo Biên bản kiểm phiếu ở các bước);
3. Sơ yếu lý lịch (theo mẫu) do cá nhân tự khai (đánh máy) và cơ quan trực tiếp quản lý cán bộ xác nhận; có dán ảnh màu khổ 4 x 6 chụp trong thời gian không quá 6 tháng;
4. Bản tự kiểm điểm 3 năm công tác gần nhất; có nhận xét, đánh giá của chi bộ và xác nhận của đảng ủy cơ quan nơi cán bộ công tác;

5. Đánh giá, nhận xét 3 năm gần nhất của ban thường vụ cấp ủy, về: (1) Phẩm chất đạo đức, lối sống, ý thức tổ chức kỷ luật, đoàn kết nội bộ. (2) Năng lực công tác và kết quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao; trong đó, thể hiện rõ trong quá trình công tác nhân sự có sản phẩm cụ thể, thành tích công tác, hạn chế, khuyết điểm, vi phạm *(nếu có)*. (3) Uy tín và triển vọng phát triển;

6. Nhận xét của chi ủy cư trú đối với bản thân và gia đình cán bộ;

7. Kết luận về tiêu chuẩn chính trị của ban thường vụ cấp ủy theo Quy định của Bộ Chính trị về bảo vệ chính trị nội bộ Đảng;

8. Bản kê khai tài sản, thu nhập theo mẫu ban hành kèm theo quy định hiện hành *(có ký xác nhận của người kê khai và người nhận bản kê khai theo quy định)*;

9. Bản sao các văn bằng, chứng chỉ về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị... *(có xác nhận của cơ quan, đơn vị quản lý cán bộ hoặc của cấp có thẩm quyền)*.

10. Kết luận tình trạng sức khỏe của Ban Bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ Thành phố hoặc của cơ quan y tế có thẩm quyền.

Các cấp ủy trực thuộc Thành ủy chịu trách nhiệm chính trước Ban Thường vụ Thành ủy trong việc nhận xét, đánh giá, đề xuất, giới thiệu, kết luận về tiêu chuẩn chính trị đối với nhân sự được giới thiệu và một số nội dung liên quan khác theo quy định.

* **Lưu ý:** Các tài liệu nêu tại Mục 3, 4, 5, 6, 7, 8, 10 không quá 6 tháng tính đến thời điểm xem xét.
